TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/ 2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Thủy, ngày 19 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L2 HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ 1ý số: 09/2019/TL1ST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bạch Thị T sinh năm 1980
- Bị đơn: Anh Bùi Lê V, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Xóm Liên Hợp, xã Lạc Hưng, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền 1ợi nghĩa vụ 1iên quan: Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn M, chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ 1uật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55 điều 81; điều 82; điều 83; điều 84; khoản 1 điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019 1à hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của 1uật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày 1ập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Bạch Thị T và anh Bùi Lê V.

2**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Bạch Thị T và anh Bùi Lê V có 02 con chung là Bùi Văn L1, sinh ngày 16/8/1999 và Bùi Thị L2, sinh ngày 02/10/2001. Hiện nay cháu L1 đã trưởng thành chị T và anh V không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Giao cháu Bùi Thị L2 cho chị Bạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi trưởng thành.

Anh Bùi Lê V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

* *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Bạch Thị T chưa yêu cầu anh Bùi Lê V cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Chị T và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án can thiệp.

2.4. Về công nợ chung: Chị Bạch Thị T và anh Bùi Lê V có vay Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình số tiền vay gốc 1à 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)* cùng 1ãi phát sinh. Vợ chồng ly hôn, chị Bạch Thị T, anh Bùi Lê V, Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình tự nguyện thỏa thuận cụ thể như sau:

Chị Bạch Thị T có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình số tiền vay vốn gốc 1à 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)* cùng 1ãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Ngân hàng chính sách xã hội thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đồng ý thu hồi nợ từ chị Bạch Thị T số tiền vay vốn gốc 1à 37.000.000đ (*Ba mươi bảy triệu đồng)* cùng 1ãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

2.5. Về án phí: Chị Bạch Thị T tự nguyện nộp 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1à 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên 1ai thu số 0005880 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Nay chị Bạch Thị T còn được hoàn trả 1ại 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu 1ực pháp L1uật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- UBND xã Lạc Hưng;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Thủy;
- L1ưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Hải Dương